

Ngày 28 tháng 07 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS**

Mã chứng khoán: MSR, MSR11808

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84 28) 6256 3862 Fax: 02838274115

Website: <https://masanhightechmaterials.com>

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): (84 28) 6256 3862 Fax: 02838274115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính Quý 2/2023 chưa soát xét của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/07/2023 tại đường dẫn <https://masanhightechmaterials.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



M.S. N: 0309966889-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
HIGH-TECH
MATERIALS
QUẬN 1 - T. PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM NGUYỄN HẢI

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN HIGH-TECH MATERIALS**
Số: 420/2023/CV-MHT

V/v: *Giải trình lợi nhuận sau thuế Quý II/2023
chênh lệch so với cùng kỳ năm trước*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”), Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (sau đây gọi là “Công ty” hay “MHT”) xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế của Quý II/2023 thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước, như sau:

1. Trên báo cáo hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”):

Lỗ sau thuế Quý II/2023 của Tập đoàn là 500 tỷ VND, giảm 698 tỷ VND so với lợi nhuận sau thuế 198 tỷ VND Quý II/2022 với các lý do chính sau:

- Lợi nhuận gộp của Quý II/2023 giảm 523 tỷ VND so với Quý II/2022 do chi phí sản xuất ở Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”), một công ty con của Công ty, tăng cao và nhu cầu của thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ về Vonfram giảm mạnh. Ngoài ra, việc tạm ngưng dịch vụ nổ mìn đã ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của NPM. Điều này làm ảnh hưởng đến doanh thu của NPM và tác động tiêu cực đến lợi nhuận gộp;
- Tập đoàn chịu ảnh hưởng bất lợi từ lãi suất tăng cao khiến chi phí tài chính thuần Quý II/2023 tăng 185 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước;
- Thu nhập thuần từ hoạt động khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong Quý II/2023 giảm 16 tỷ VND do cùng kỳ năm trước;
- Việc giảm của lợi nhuận sau thuế do các yếu tố trên đã được bù đắp một phần từ chủ trương tiết giảm và kiểm soát chặt chẽ chi phí giúp Tập đoàn tiết kiệm 26 tỷ VND chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong Quý II/2023 so với cùng kỳ năm trước.



2. Trên báo cáo riêng của Công ty:

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ Quý II/2023 ghi nhận lợi nhuận sau thuế là 0,8 tỷ VND, tăng 2 tỷ VND - tương đương 161% so với Quý II/2022 chủ yếu do chi phí tài chính thuần giảm 2,4 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin giải trình để Quý Cơ quan rõ.

Xin trân trọng cảm ơn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN
HIGH-TECH MATERIALS**

TỔNG GIÁM ĐỐC



CRAIG RICHARD BRADSHAW



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 2 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le

Chủ tịch

Ông Nguyễn Thiều Nam

Phó Chủ tịch thứ nhất

Ông Craig Richard Bradshaw

Thành viên

Ông Akira Osada

Thành viên

(đến ngày 31 tháng 3 năm 2023)

Ông Tadakazu Ohashi

Thành viên

(từ ngày 18 tháng 4 năm 2023)

Bà Nguyễn Thu Hiền

Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw

Tổng Giám đốc

Ông Hady Seyeda

Phó Tổng Giám đốc

Bà Đinh Lê Hằng

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 20 tháng 2 năm 2023)

Ông Nguyễn Huy Tuấn

Quyên Giám đốc Tài chính

Ủy ban Kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền

Chủ tịch

Ông Nguyễn Thiều Nam

Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)	100		80.232.421	1.076.331.106
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	328.471	1.152.355
Tiền	111		328.471	1.152.355
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.500.122	1.071.869.168
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.405.961	398.785
Phải thu ngắn hạn khác	136	5	72.094.161	1.071.470.383
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.403.828	3.309.583
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.403.828	3.309.583
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15.191.699.261	14.188.893.090
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5	3.000.000.000	2.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		137.950	137.950
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		35.222.872	32.416.701
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	6	35.222.872	32.416.701
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư vào một công ty con	251	7	12.156.476.389	12.156.476.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.271.931.682	15.265.224.196

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.111.885.052	3.106.878.067
Nợ ngắn hạn	310		2.111.885.052	1.606.878.067
Phải trả người bán ngắn hạn	311		2.621.190	7.988.080
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		424.656	202.027
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	8	59.987.924	54.836.678
Phải trả ngắn hạn khác	319	9	22.651.282	22.651.282
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	10(a)	2.026.200.000	1.521.200.000
Nợ dài hạn	330		1.000.000.000	1.500.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	10(b)	1.000.000.000	1.500.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.160.046.630	12.158.346.129
Vốn chủ sở hữu	410	11	12.160.046.630	12.158.346.129
Vốn cổ phần	411	12	10.991.554.200	10.991.554.200
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.991.554.200	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	412	12	1.098.259.892	1.098.259.892
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		70.232.538	68.532.037
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		68.532.037	67.820.861
- LNST kỳ này	421b		1.700.501	711.176
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.271.931.682	15.265.224.196

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này




Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/4/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	86.053.583	69.809.545	165.364.056	138.873.498
Chi phí tài chính	22	14	80.776.856	66.945.953	157.631.111	133.162.756
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.088.484	3.968.869	5.633.912	4.928.273
Lợi nhuận thuần/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		1.188.243	(1.105.277)	2.099.033	782.469
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30)	50		1.188.243	(1.105.277)	2.099.033	782.469
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		419.807	156.493	398.532	135.590
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		768.436	(1.261.770)	1.700.501	646.879

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập: 

Người kiểm tra:

Người duyệt: 

 Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

 Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

 Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	2.099.033	782.469
Điều chỉnh cho các khoản			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(165.309.737)	(138.870.115)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	157.584.856	133.155.991
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(5.625.848)	(4.931.655)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(5.666.013)	(4.986.064)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.042.138	1.416.362
		(10.249.723)	(8.501.357)
Tiền lãi vay đã trả	14	(151.539.442)	(132.365.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(177.887)	(167.815)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(161.967.052)	(141.035.049)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.107.382)	(10.243.086)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	166.250.550	146.901.881
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	156.143.168	136.658.795
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	5.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	5.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(823.884)	(4.376.254)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.152.355	5.600.363
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)	70	328.471	1.224.109

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập: 

Người kiểm tra:

Người duyệt:







Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (Nghìn VND), trừ khi được trình bày khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ HĐHTKD và công ty con và lãi chênh lệch tỷ giá.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngân hàng	328.471	1.152.355

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	30/6/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	65.163.311	66.104.124
Phải thu ngắn hạn khác từ các công ty con	6.875.850	5.311.259
Phải thu theo HĐHTKD với MTC (b)	-	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	55.000	55.000
	72.094.161	1.071.470.383
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu theo HĐHTKD với MTC (b)	1.000.000.000	-
Phải thu theo HĐHTKD với NPM (c)	2.000.000.000	2.000.000.000
	3.000.000.000	2.000.000.000

- (a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hiện tại mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 5(b) và Thuyết minh 5 (c)).
- (b) Khoản này phản ánh các khoản phải thu theo HĐHTKD với MTC ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. Tại lần sửa đổi gần nhất theo Thỏa thuận sửa đổi ký ngày 1 tháng 1 năm 2023, thời hạn hợp tác giữa các bên theo Hợp đồng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2028.
- (c) Khoản này phản ánh các khoản phải thu theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) với NPM ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Tại lần sửa đổi gần nhất theo Thỏa thuận sửa đổi ký ngày 1 tháng 1 năm 2023, thời hạn hợp tác giữa các bên theo Hợp đồng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2028.

Việc phân chia lợi nhuận theo các HĐHTKD nêu tại các mục (b) và (c) trên được căn cứ theo tỷ lệ được quy định trong các HĐHTKD và các phụ lục của HĐHTKD.

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo các điều khoản của hợp đồng liên quan.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	32.416.701	24.963.257
Tăng trong kỳ	2.806.171	18.400.134
Biến động khác	-	(16.614.197)
Số dư cuối kỳ	35.222.872	26.238.554

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan đến việc mua và phát triển phần mềm để cải thiện hoạt động của Công ty.

7. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND
Đầu tư vào một công ty con				
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	12.156.476.389	(*)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay phải trả	58.807.149	52.761.735
Chi phí phải trả khác	1.180.775	2.074.943
	59.987.924	54.836.678

9. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại (*)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại (*)	20.139.497	20.139.497
	22.651.282	22.651.282

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

10. Vay và trái phiếu

(a) Vay và trái phiếu ngắn hạn

Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ của khoản vay ngắn hạn và trái phiếu dài hạn đến hạn trả như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Vay ngắn hạn (*)	26.200.000	21.200.000
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 10(b))	2.000.000.000	1.500.000.000
	2.026.200.000	1.521.200.000

(*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ một công ty con, không được đảm bảo và có lãi suất 8%/năm (năm 2022: 3,2%/năm).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trái phiếu dài hạn

	30/6/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.000.000.000)	(1.500.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.000.000.000	1.500.000.000

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm	30/6/2023	1/1/2023
	đáo hạn	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	500.000.000	500.000.000
		<hr/>	<hr/>
		3.000.000.000	3.000.000.000

Đây là trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành với lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng biên độ 3,25% đến 3,625%/năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, trái phiếu không chuyển đổi bằng VND được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của một công ty con.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – một công ty liên quan.

11. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư	Lợi nhuận	Tổng cộng
	Nghìn VND	vốn cổ phần	sau thuế	Nghìn VND
		Nghìn VND	chưa phân phối	
			Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	10.991.554.200	1.098.259.892	67.820.861	12.157.634.953
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	646.879	646.879
			<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2022	10.991.554.200	1.098.259.892	68.467.740	12.158.281.832
			<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 1/1/2023	10.991.554.200	1.098.259.892	68.532.037	12.158.346.129
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.700.501	1.700.501
			<hr/>	<hr/>
Số dư tại ngày 30/6/2023	10.991.554.200	1.098.259.892	70.232.538	12.160.046.630

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	Ngìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngưng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Trong số cổ phiếu đang lưu hành có 109.915.542 cổ phiếu phổ thông phát hành cho Mitsubishi Material Corporation (“Nhà đầu tư”) vào ngày 26 tháng 10 năm 2020 với khoản thanh toán là 2.094.330.737.268 VND. Khi phát hành các cổ phiếu này, Công ty cũng cấp cho Nhà đầu tư một quyền chọn bán. Theo thỏa thuận bổ sung và sửa đổi ngày 24 tháng 5 năm 2022, các bên đã đồng ý rằng trong trường hợp quyền chọn bán, nghĩa là khi (i) Công ty và Nhà đầu tư (hoặc các bên liên kết của Nhà đầu tư) không thể thiết lập được liên doanh cho mảng kinh doanh vonfram chế biến cận sâu trong vòng 30 tháng sau ngày hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên (tháng 5 năm 2023) hoặc (ii) khi có sự thay đổi quyền kiểm soát đối với Công ty hoặc (iii) một khoảng thời gian khác được thống nhất bằng văn bản giữa các bên, Nhà đầu tư sẽ có quyền không hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định mua tất cả các cổ phiếu đã phát hành nói trên với giá mua bằng với khoản thanh toán 2.094.330.737.268 VND trừ đi tổng số tiền mà Nhà đầu tư thu được từ việc bán cổ phần của Công ty và tổng số cổ tức và số lợi nhuận mà Công ty đã thanh toán, có thể được điều chỉnh cho những sự kiện suy giảm quyền sở hữu trong tương lai. Thời hạn để thực hiện những công việc cần thiết nhằm hoàn tất giao dịch của quyền chọn bán là trong vòng 18 tháng kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thực hiện quyền chọn bán từ Nhà đầu tư. Việc thực hiện quyền chọn bán phải có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, các cổ đông và các cơ quan quản lý của Việt Nam.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ngày 21 tháng 6 năm 2023, các bên đã ký kết thỏa thuận bổ sung và sửa đổi lần thứ hai, sửa đổi điều kiện nêu trên (i) trong trường hợp quyền chọn bán: Công ty và Nhà đầu tư (hoặc các bên liên kết của Nhà đầu tư) không thể thiết lập được liên doanh cho mảng kinh doanh vonfram chế biến cận sâu trong vòng 33 tháng sau ngày hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên (cụ thể là tháng 8 năm 2023).

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
Lãi tiền gửi	9.737	28.693
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	165.300.000	138.841.422
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	3.383
Doanh thu tài chính khác	54.319	-
	<hr/>	<hr/>
	165.364.056	138.873.498

14. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	157.539.934	133.111.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá	46.256	6.765
Chi phí tài chính khác	44.921	44.921
	<hr/>	<hr/>
	157.631.111	133.162.756

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 670.835 triệu VND (1/1/2023: 175.451 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 30/6/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND
Các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu	6.621.917	6.304.501
Các công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	Lãi trái phiếu	5.940.095	-
Công ty mẹ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Lãi trái phiếu	1.406.885	-
Các công ty con Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD Trả hộ NPM	104.626.305 3.223.722	93.298.699 -
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD Khoản vay nhận được Chi phí lãi vay	60.673.695 5.000.000 911.167	45.542.724 336.412

Ngày 28 tháng 7 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:

Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Masan High-Tech Materials Corporation

Standalone quarterly financial Statements
for the period ended 30 June 2023



Masan High-Tech Materials Corporation

Corporate Information

Enterprise Registration

Certificate No. 0309966889 27 April 2010

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which was dated 11 February 2022. The Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The first Business Registration Certificate No. 0309966889 was issued on 27 April 2010. June

Investment Certificate No. 41122000131 2 August 2013

The Investment Certificate was issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City to the Company to implement the investment of "Ma San Resources Corporation" which has a term of 10 years from the date of the Investment Certificate.

Board of Directors

Mr. Danny Le	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	First Vice Chairman
Mr. Craig Richard Bradshaw	Member
Mr. Akira Osada	Member <i>(until 31 March 2023)</i>
Mr Tadakazu Ohashi	Member <i>(from 18 April 2023)</i>
Ms. Nguyen Thu Hien	Independent member

Board of Management

Mr. Craig Richard Bradshaw	Chief Executive Officer
Mr. Hady Seyeda	Deputy Chief Executive Officer
Ms. Dinh Le Hang	Deputy Chief Executive Officer <i>(from 20 February 2023)</i>
Mr. Nguyen Huy Tuan	Acting Chief Financial Officer

Audit Committee

Ms. Nguyen Thu Hien	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	Member

Registered Office

Suite 802, 8th Floor, Central Plaza Building
No. 17 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Masan High-Tech Materials Corporation
Standalone balance sheet as at 30 June 2023

Form B 01 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 130 + 150)	100		80,232,421	1,076,331,106
Cash and cash equivalents	110	4	328,471	1,152,355
Cash	111		328,471	1,152,355
Accounts receivable – short-term	130		75,500,122	1,071,869,168
Prepayment to suppliers	132		3,405,961	398,785
Other receivables	136	5	72,094,161	1,071,470,383
Other current assets	150		4,403,828	3,309,583
Deductible value added tax	152		4,403,828	3,309,583
Long term assets (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15,191,699,261	14,188,893,090
Accounts receivable – long-term	210		3,000,000,000	2,000,000,000
Other long-term receivables	216	5	3,000,000,000	2,000,000,000
Fixed assets	220		-	-
Intangible fixed assets	227		-	-
<i>Cost</i>	228		<i>137,950</i>	<i>137,950</i>
<i>Accumulated amortisation</i>	229		<i>(137,950)</i>	<i>(137,950)</i>
Long-term work in progress	240		35,222,872	32,416,701
Construction in progress	242	6	35,222,872	32,416,701
Long-term financial investments	250	7	12,156,476,389	12,156,476,389
Investment in a subsidiary	251		12,156,476,389	12,156,476,389
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		15,271,931,682	15,265,224,196

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Standalone balance sheet as at 30 June 2023 (continued)

Form B 01 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		3,111,885,052	3,106,878,067
Current liabilities	310		2,111,885,052	1,606,878,067
Accounts payable to suppliers	311		2,621,190	7,988,080
Taxes payable to State Treasury	313		424,656	202,027
Accrued expenses	315	8	59,987,924	54,836,678
Other short-term payables	319	9	22,651,282	22,651,282
Short-term borrowings and bonds	320	10(a)	2,026,200,000	1,521,200,000
Long-term liabilities	330		1,000,000,000	1,500,000,000
Long-term bonds	338	10(b)	1,000,000,000	1,500,000,000
EQUITY (400 = 410)	400		12,160,046,630	12,158,346,129
Equity	410	11	12,160,046,630	12,158,346,129
Share capital	411	12	10,991,554,200	10,991,554,200
- Ordinary shares with voting rights	411a		10,991,554,200	10,991,554,200
Share premium	412	12	1,098,259,892	1,098,259,892
Retained profits after tax	421		70,232,538	68,532,037
- Retained profits brought forward	421a		68,532,037	67,820,861
- Retained profit for the current period	421b		1,700,501	711,176
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		15,271,931,682	15,265,224,196

28 July 2023

Prepared by: 



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Standalone statement of income for the period ended 30 June 2023

Form B 02 – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

	Code	Note	From 1/4/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/4/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
Financial income	21	13	86,053,583	69,809,545	165,364,056	138,873,498
Financial expenses	22	14	80,776,856	66,945,953	157,631,111	133,162,756
General and administration expenses	26		4,088,484	3,968,869	5,633,912	4,928,273
Net operating profit/(loss) (30 = 21 - 22 - 26)	30		1,188,243	(1,105,277)	2,099,033	782,469
Accounting profit/(loss) before tax (50 = 30)	50		1,188,243	(1,105,277)	2,099,033	782,469
Income tax expense	51		419,807	156,493	398,532	135,590
Net profit/(loss) after tax (60 = 50 - 51)	60		768,436	(1,261,770)	1,700,501	646,879

28 July 2023

Prepared by: 



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Standalone statement of cash flows for the period ended 30 June 2023 (Indirect method)

Form B 03 – DN

(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Profit before tax	01	2,099,033	782,469
Adjustments for			
Profits from investing activities	05	(165,309,737)	(138,870,115)
Interest expense and borrowing fees	06	157,584,856	133,155,991
Operating loss before changes in working capital	08	(5,625,848)	(4,931,655)
Change in receivables and other assets	09	(5,666,013)	(4,986,064)
Change in payables and other liabilities	11	1,042,138	1,416,362
		(10,249,723)	(8,501,357)
Interest paid	14	(151,539,442)	(132,365,877)
Income tax paid	15	(177,887)	(167,815)
Net cash flows from operating activities	20	(161,967,052)	(141,035,049)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(10,107,382)	(10,243,086)
Receipts of interests and dividend	27	166,250,550	146,901,881
Net cash flows from investing activities	30	156,143,168	136,658,795
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Proceeds from borrowings	33	5,000,000	-
Net cash flows from financing activities	40	5,000,000	-
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 +40)	50	(823,884)	(4,376,254)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	1,152,355	5,600,363
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60) (Note 4)	70	328,471	1,224,109

28 July 2023

Prepared by: 

Reviewed by:

Approved by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Craig Richard Bradshaw
Chief Executive Officer

The accompanying notes are an integral part of these separate financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for the period ended 30 June 2023

Form B 09 – DN
*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying standalone financial statements.

1. Reporting entity

Ownership and company structure

Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company” or “MHT”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The principal activity of the Company is investment holding.

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The standalone financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to financial reporting.

The Company prepares and issues its consolidated quarterly financial statements separately. For a comprehensive understanding of the consolidated financial position of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”), and their consolidated results of operations and their consolidated cash flows, these standalone quarterly financial statements should be read in conjunction with the consolidated quarterly financial statements of the Group for the period ended 31 March 2023.

(b) Basis of measurement

The standalone financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statement presentation purpose. All amounts have been rounded to the nearest thousand (VND’000), unless otherwise indicated.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these standalone financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the year have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate for assets and account transfer selling rate for liabilities at the end of the annual accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

(b) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amount of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(c) Investments in a subsidiary

Investment in a subsidiary is initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

(e) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is recognised as an intangible asset. Acquired software costs are amortised on a straight-line basis over three (3) to eight (8) years.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(f) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

(g) Accounts and other payable

Accounts payable to suppliers and other payables are stated at their cost.

(h) Business cooperation contract

Business Cooperation Contracts (“BCC”) are those under which contracting parties agree to carry out specific business activities that do not require an establishment of legal entity. The Company accounts for each BCC according to its substance and its rights and obligations under the contract. Where the Company makes contributions in the form of financial assets to the other parties and as a result obtaining a contractual right to receive cash or other financial assets from those parties under the BCC, the Company recognise a financial asset. Where distributions of profits from the other BCC parties have the substance of finance income, they are recognised as financial income based on the rate of returns as agreed by contracting parties. Distributions which are contingent on the ultimate operating results of the BCC are recognised as income only as when the ultimate operating results of the BCC can be determined reliably.

(i) Bonds issued

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceeds from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortised on a straight-line basis over the term of the bond.

(j) Equity

Ordinary shares

Ordinary share capital is classified as equity. The excess of proceeds contributed over the par value of shares issued is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of ordinary shares are recognised as a deduction from share premium.

(k) Taxation

Income tax on the profit or loss for the year comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the year, using tax rates enacted at the end of the annual accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at end of the annual accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(l) Financial income and financial expenses

(i) Financial income

Financial income comprises interest income from deposits and loans, profit distribution from BCC and subsidiary and foreign exchange gains.

Interest income is recognised as it accrues in the separate statement of income.

Income from distributed profits from a subsidiary is recognized when the right to receive profit distribution is established. Distributed profits received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(ii) Financial expenses

Financial expenses comprise interest expenses on borrowings, bonds, facility fees, financing costs, transaction costs and foreign exchange losses.

(m) Borrowing costs

Borrowings costs comprise interest expenses on borrowings, facility fees, financing costs and transaction costs. Borrowing costs are recognised as an expense in the year in which they are incurred.

(n) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party. Related parties that are individuals refer to key management personnel who have authority and responsibility for planning, directing and controlling the activities of the Company, including directors and officers of the Company. Related companies refer to subsidiaries and associates of the Company, the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

Masan High-Tech Materials Corporation**Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)****Form B 09 – DN***(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)***4. Cash and cash equivalents**

	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Cash in banks	328,471	1,152,355

5. Other short-term and long-term receivables

	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Other short-term receivables		
Distribution of profit receivable from BCC (a)	65,163,311	66,104,124
Other receivable from subsidiaries	6,875,850	5,311,259
Receivables under BCC with MTC (b)	-	1,000,000,000
Others	55,000	55,000
	72,094,161	1,071,470,383
Other long-term receivables		
Receivables under BCC with MTC (b)	1,000,000,000	-
Receivables under BCC with NPM (c)	2,000,000,000	2,000,000,000
	3,000,000,000	2,000,000,000

- (a) The distribution of profit receivables were due to accrual of the current period's operating results as distribution of profit receivable from BCC which the Company contracted with its subsidiaries, Nui Phao Mining Company Ltd ("NPM") and Masan Tungsten Limited Liability Company ("MTC") (Note 5(b) and Note 5(c)).
- (b) This balance represents receivables under BCC with MTC dated 16 November 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion for business cooperation activities with MTC. At the latest Amendment Agreement dated 1 January 2023, the cooperation period between the parties under the Contract terminates on 31 December 2028.
- (c) This balance represents receivables under Business Cooperation Contracts ("BCCs") with NPM dated 21 September 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion, VND500 billion and VND500 billion respectively for business cooperation activities with NPM. At the latest Amendment Agreement dated 1 January 2023, the cooperation period between the parties under the Contract terminates on 31 December 2028.

The sharing of profits under the above-mentioned BCCs in (b) and (c) are based on the agreed rate as stipulated in the BCCs and their amendments.

The other receivables from subsidiaries were unsecured, interest free and are due in accordance with relevant contract terms.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

6. Construction in progress

	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
Opening balance	32,416,701	24,963,257
Additions during the period	2,806,171	18,400,134
Other movements	-	(16,614,197)
Closing balance	<u>35,222,872</u>	<u>26,238,554</u>

The balance of construction in progress represents the expense relating to software purchasing and development to improve the Company's operation.

7. Long-term financial investments

	30/6/2023		1/1/2023	
	Cost VND'000	Fair value VND'000	Cost VND'000	Fair value VND'000
Investment in a subsidiary				
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited ("MRTN")	12,156,476,389	(*)	12,156,476,389	(*)

MRTN is an investment holding company, incorporated in Vietnam. The direct and indirect percentage of economic interests of the Company at MRTN is 100% as at 30 June 2023 (as at 1 January 2023: 100%).

- (*) The Company has not determined the fair values of the equity investments for disclosure in the standalone financial statements because information about their market prices are not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of the equity investments may differ from their carrying amounts.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

8. Accrued expenses

	30/6/2023	1/1/2023
	VND'000	VND'000
Accrued interest expenses	58,807,149	52,761,735
Others	1,180,775	2,074,943
	<hr/>	<hr/>
	59,987,924	54,836,678
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

9. Other short-term payables

	30/6/2023	1/1/2023
	VND'000	VND'000
Amounts due to Masan Horizon Corporation (“MH”)		
– the immediate parent company		
Non-trade (*)	2,511,785	2,511,785
Amount due to Nui Phao Mining Company Ltd – a subsidiary		
Non-trade (*)	20,139,497	20,139,497
	<hr/>	<hr/>
	22,651,282	22,651,282
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Amounts due to related parties were unsecured, interest-free and repayable based on agreement between the parties.

10. Borrowings and bonds

(a) Short-term borrowings and bonds

Carrying amount and amount within repayment capacity of short-term borrowings and current portion of long-term bonds are as follows:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND'000	VND'000
Short-term borrowing (*)	26,200,000	21,200,000
Current portion of long-term bonds (Note 10(b))	2,000,000,000	1,500,000,000
	<hr/>	<hr/>
	2,026,200,000	1,521,200,000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Short-term borrowing represents loan from a subsidiary, which is unsecured with interest rate of 8% per annum (2022: 3.2% per annum).

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(b) Long-term bonds

	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Long-term bonds issued	3,000,000,000	3,000,000,000
Repayable within twelve months	(2,000,000,000)	(1,500,000,000)
Repayable after twelve months	1,000,000,000	1,500,000,000

Terms and conditions of outstanding long-term bonds in VND were as follows:

	Year of maturity	30/6/2023 VND'000	1/1/2023 VND'000
Long-term bonds issued			
▪ Secured bond issued	2024	1,000,000,000	1,000,000,000
▪ Secured bond issued	2023	1,500,000,000	1,500,000,000
▪ Secured bond issued	2024	500,000,000	500,000,000
		3,000,000,000	3,000,000,000

These are non-convertible bonds issued by the Company, which have interest rate to be adjusted every six months and calculated as the average twelve-month saving deposit rate of related reference banks plus 3.25% to 3.625% per annum.

As at 30 June 2023, these VND denominated non-convertible bonds are secured by a part of certain long-term assets of a subsidiary.

The representatives of the bondholders of above bonds is Techcom Securities JSC, a related company.

11. Changes in equity

	Share capital VND'000	Share premium VND'000	Retained profits after tax VND'000	Total VND'000
Balance at 1/1/2022	10,991,554,200	1,098,259,892	67,820,861	12,157,634,953
Net profit for the period	-	-	646,879	646,879
Balance at 30/6/2022	10,991,554,200	1,098,259,892	68,467,740	12,158,281,832
Balance at 1/1/2023	10,991,554,200	1,098,259,892	68,532,037	12,158,346,129
Net profit for the period	-	-	1,700,501	1,700,501
Balance at 30/6/2023	10,991,554,200	1,098,259,892	70,232,538	12,160,046,630

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Share capital

The Company's authorised and issued share capital comprised:

	As at 30/6/2023 and 1/1/2023	
	Number of shares	VND'000
Authorised share capital	1,099,155,420	10,991,554,200
Issued share capital		
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200
Shares in circulation		
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200
Share premium	-	1,098,259,892

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividends as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets. In respect of shares bought back by the Company, all rights are suspended until those shares are reissued.

Share premium represents the excess of the proceeds on issuance of shares over the par value.

Included in the shares in circulation are 109,915,542 of ordinary shares issued to Mitsubishi Material Corporation ("the Investor") on 26 October 2020 for the consideration of VND2,094,330,737,268. In relation to this issuance, the Company also granted a put option to the Investor. Parties to the supplemental and amending agreement dated 24 May 2022 agreed that in the put option event that (i) the Company and the Investor (or their affiliate) fail to establish a joint operation of midstream tungsten business within 30 months after closing date of the above share issuance (i.e. May 2023) or (ii) if there is a change in control in the Company or (iii) such other period agreed in writing between the parties, the Investor will have an irrevocable right to request the Company or its nominee to purchase all shares issued above at the amount equal to consideration of VND2,094,330,737,268 less the aggregate of any proceeds received by the Investor from disposing the Company's shares, dividends and distributions paid by the Company subject to customary adjustments from dilutive events. The deadline to take actions necessary to effect the completion the put option is 18 month from the date that the Company receives put option exercise notice from the Investor. The exercise of the put option will be subject to approval of Board of Directors, shareholders and Vietnamese regulators.

On 21 June 2023, Parties have entered into second supplemental and amending agreement, amending the aforementioned condition (i) in the case of the put option: the Company and the Investor (or their affiliate) fail to establish a joint operation of midstream tungsten business within 33 months after closing date of the above share issuance (i.e. August 2023).

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the standalone financial statements for period ended 30 June 2023 (continued)
Form B 09 – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

13. Financial income

	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
Interest income	9,737	28,693
Distribution of profit from BCC	165,300,000	138,841,422
Foreign exchange gain	-	3,383
Others	54,319	-
	<hr/> 165,364,056	<hr/> 138,873,498 <hr/>

14. Financial expenses

	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
Interest expense	157,539,934	133,111,070
Foreign exchange loss	46,256	6,765
Others	44,921	44,921
	<hr/> 157,631,111	<hr/> 133,162,756 <hr/>

15. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances and transactions disclosed in other notes to these standalone financial statements, the Company had the following significant balances and transactions with related parties during the year:

(a) Related party balances

As at and for the period ended 30 June 2023, the Company has current and term deposit accounts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (“TCB”) at normal commercial terms.

As at 30 June 2023, associates of the ultimate parent company held VND670,835 million (1/1/2023: VND175,451 million) of the issued bonds of the Company.

(b) Related party transactions

Related parties	Nature of transactions	From 1/1/2023 to 30/6/2023 VND'000	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000
Ultimate parent company’s associates			
Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank and its subsidiaries	Bond interest	6,621,917	6,304,501
Ultimate parent company’s subsidiaries			
WinCommerce JSC	Bond interest	5,940,095	-
Parent company			
Masan Horizon Corporation	Bond interest	1,406,885	-
Subsidiaries			
Nui Phao Mining Company Ltd	Distribution of profit from BCC	104,626,305	93,298,699
	Payment on behalf of NPM	3,223,722	-
Masan Tungsten LLC	Distribution of profit from BCC	60,673,695	45,542,724
	Loan receipt	5,000,000	-
	Loan interest expense	911,167	336,412

28 July 2023

Prepared by: 

Reviewed by:

Approved by:







Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Craig Richard Bradshaw
Chief Executive Officer